

Tiết 8-9

Ngày soạn: 28/09/2024

LUYỆN TẬP CHUNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Củng cố định nghĩa hình bình hành; nhận dạng và giải thích được một tứ giác là hình bình hành.
- Củng cố các tính chất của hình bình hành; dựa vào các tính chất đó để thấy tứ giác nào không thoả mãn một trong các tính chất đó thì không phải là hình bình hành.

2. Năng lực**Năng lực chung:**

- Vận dụng các tính chất của hình bình hành để giải toán (chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau, các đoạn thẳng cắt nhau tại trung điểm của mỗi đoạn,...)
- Vận dụng được dấu hiệu nhận biết để chứng minh tứ giác là hình bình hành.
- Hình thành kỹ năng vẽ hình bình hành.

Năng lực toán học: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hóa toán học; giải quyết vấn đề toán học.

- Tư duy và lập luận toán học: Phân tích và suy luận: HS cần phân tích tính chất và đặc điểm của hình bình hành, như các góc, cạnh,... Từ đó, HS có thể suy luận và áp dụng các tính chất và định lý toán học để giải quyết các vấn đề liên quan.
- Giao tiếp toán học: HS cần diễn đạt ý tưởng và phương pháp giải quyết một cách rõ ràng và logic. Khi trình bày lời giải, HS cần sử dụng thuật ngữ toán học chính xác và diễn đạt ý nghĩa một cách chính xác để truyền đạt thông tin toán học.
- Mô hình hóa toán học: Chuyển đổi vấn đề thực tế thành toán học: Mô hình hóa là quá trình biến đổi vấn đề thực tế thành dạng toán học. Trong bài toán liên quan đến hình bình hành, HS cần áp dụng kiến thức và kỹ năng để mô hình hóa các yếu tố và mối quan hệ trong hình thành các biểu thức tính toán tương ứng.
- Giải quyết vấn đề toán học: Áp dụng công thức tính tổng các góc, tính chất, định lý và phương pháp: HS cần áp dụng các công thức và phương pháp tính các góc, và các tính chất khác của hình bình hành (góc, cạnh, đường chéo,) để giải quyết các bài toán cụ thể..

3. Phẩm chất

- Tích cực thực hiện nhiệm vụ khám phá, thực hành, vận dụng.
- Có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
- Khách quan, công bằng, đánh giá chính xác bài làm của nhóm mình và nhóm bạn.
- Tự tin trong việc tính toán; giải quyết bài tập chính xác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV: SGK, SGV, tài liệu giảng dạy, giáo án PPT, các hình ảnh liên quan đến nội dung bài học,...

2. HS: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**Tiết 1****A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 phút)****a) Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú vào bài mới sử dụng kiến thức liên quan đến hình bình hành.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.

Luật chơi: Học sinh nghe câu hỏi, lựa chọn và có đáp án nhanh nhất giơ tay xin trả lời. Nếu trả lời đúng 1 câu được 8 điểm, 2 câu được 9 điểm, 3 câu được 10 điểm (không quá 3 lần).

Câu 1: Hãy chọn câu **sai**.

- A. Hình bình hành có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
- B. Hình bình hành có hai góc đối bằng nhau.
- C. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau.
- D. Hai bình hành có hai cặp cạnh đối song song.

Câu 2: Chọn câu **sai**. Tứ giác $ABCD$ là hình bình hành, khi đó:

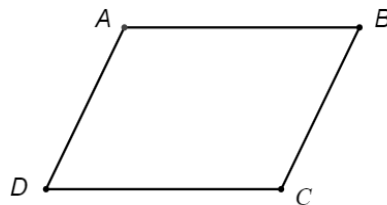
- A. $AB = CD$
- B. $AD = BC$
- C. $A = C; B = D$
- D. $AC = BD$.

Câu 3: Hãy chọn câu **sai**:

- A. Tứ giác có hai cặp cạnh đối song song là hình bình hành.
- B. Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình bình hành.
- C. Tứ giác có hai cặp cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.
- D. Tứ giác có hai cặp góc đối bằng nhau là hình bình hành.

Câu 4: Hãy chọn câu đúng. Tứ giác $ABCD$ là hình bình hành nếu:

- A. $AD // BC; AB = CD$.
- B. $B = D$.
- C. $A = D, B = C$.
- D. $A = C; B = D$.



Câu 5: Chọn câu **đúng**. Một hình bình hành có độ dài đáy là a , chiều cao là h . Khi đó công thức tính diện tích hình bình hành đó là:

- A. $(a + h) \cdot 2$
- B. $a + h$
- C. $a \cdot h$
- D. $a \cdot h : 2$

c) Sản phẩm: Đáp án đúng

Câu 1: C

Câu 2: D

Câu 3: B

Câu 4: D

Câu 5: C

d) Tổ chức thực hiện:

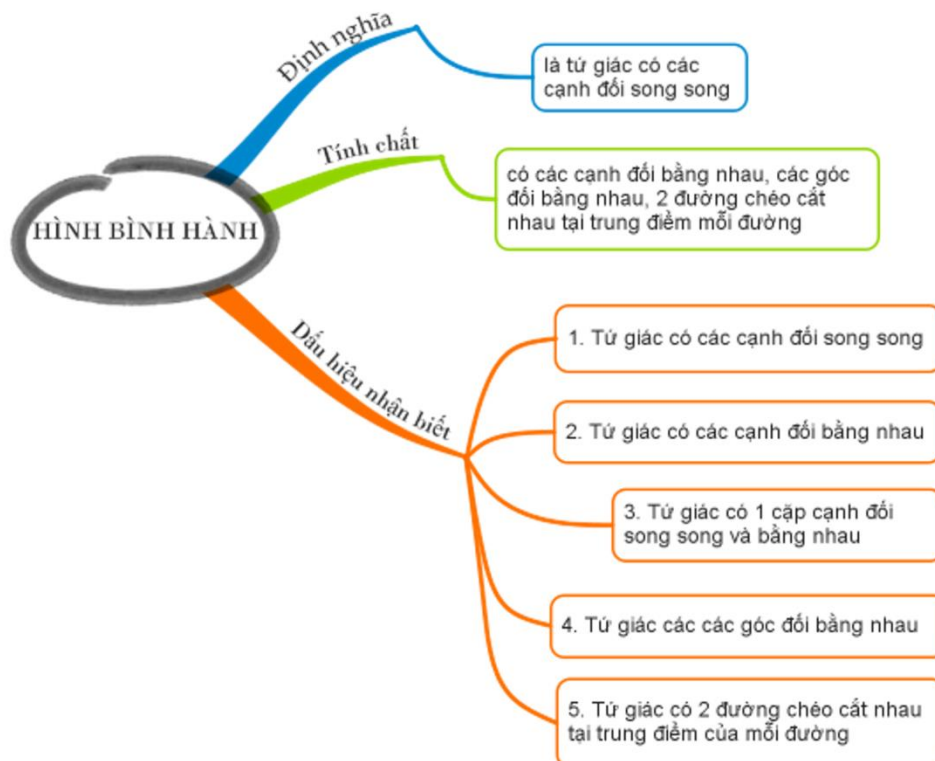
Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ như một nội dung. <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện cá nhân theo yêu cầu của GV. <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. <p>* Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, gợi ý cho học sinh dùng lập luận để giải thích. - GV đặt vấn đề vào bài Luyện tập chung 	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (10 phút)

a) Mục tiêu: Học sinh hệ thống lại kiến thức về Khái niệm hình bình hành và tính chất; dấu hiệu nhận biết hình bình hành.

b) Nội dung: Thực hiện theo nhóm 4 - 6 HS trong 7 phút. Hệ thống kiến thức đã học của bài 12 bằng sơ đồ tư duy.

c) Sản phẩm: Sơ đồ tư duy bài 12



d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ như một nội dung. <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận theo nhóm 4 - 6 để thực hiện vẽ sơ đồ tư duy trong 7 phút. <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đại diện trình bày dự đoán. - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. <p>* Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại khái niệm hình bình hành và tính chất; dấu hiệu nhận biết hình bình hành. 	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (23 phút)

a) Mục tiêu:

- Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành
- Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành

b) Nội dung:

- 3.1. Theo dõi hướng dẫn giải ví dụ 1 (sgk/trang 62)
- 3.2. Theo dõi hướng dẫn giải ví dụ 2 (sgk/trang 62)
- 3.3. Thực hiện bài 3.19 (sgk/trang 63)
- 3.4. Thực hiện bài 3.20 (sgk/trang 63)

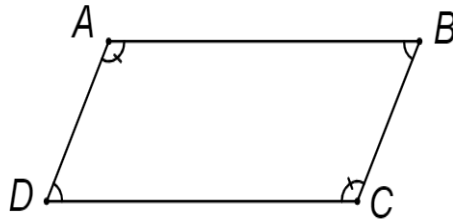
c) Sản phẩm:

- 3.1. Lời giải ví dụ 1 (sgk/trang 62)
 - 3.2. Lời giải ví dụ 2 (sgk/trang 62)
- Cách 2: Theo giả thiết, $AC \perp AD$ nên AC là đường cao ứng với cạnh AD
- Ta có

$$S_{ABCD} = AD.AC = 3.4 = 12(cm^2)$$

Vậy diện tích hình bình hành $ABCD$ là $12(cm^2)$

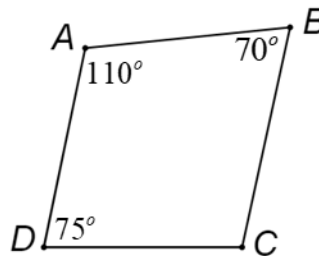
- 3.3. Lời giải bài 3.19 (sgk/trang 63)
- a)



Tứ giác $ABCD$ có: $A = C, B = D$

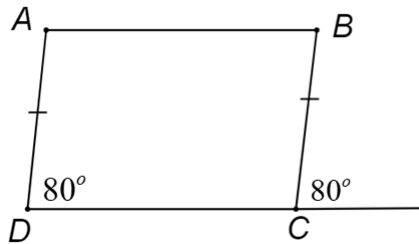
Suy ra tứ giác $ABCD$ là hình bình hành vì có các góc đối bằng nhau

b)



Tứ giác $ABCD$ không phải là hình bình hành vì hai góc đối B và D không bằng nhau

c)



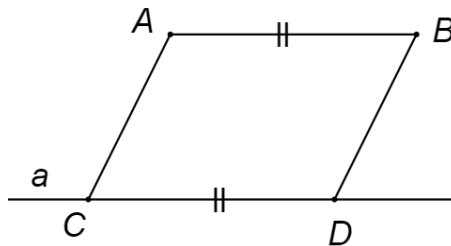
Tứ giác $ABCD$ có: $AD = BC$ (ký hiệu trên hình)

$AD \parallel BC$ (cùng tạo với đường thẳng DC hai góc ở vị trí đồng vị

bằng nhau).

Suy ra tứ giác $ABCD$ là hình bình hành.

3.4. Lời giải bài 3.20 (sgk/trang 63)



Tứ giác $ABCD$ có: $CD \parallel AB$ và $CD = AB$

Suy ra tứ giác $ABCD$ là hình bình hành.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập - Giao nhiệm vụ nội dung 3.1 yêu cầu HS hoạt động cá nhân 2 phút.</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát GV hướng dẫn giải VD1 - HS chứng minh hai cặp tam giác bằng nhau theo trường hợp (c-g-c), từ đó suy ra các cặp cạnh đối của hình bình hành bằng nhau.</p> <p>* Báo cáo, thảo luận - Cá nhân HS trình bày lời giải.</p> <p>* Kết luận, nhận định - GV chốt lại lời giải và HS cần nắm chắc tính chất của hình bình hành để giải quyết các bài toán liên quan</p>	<p>1. Ví dụ 1. Giải (sgk/trang 62)</p>
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập - Giao nhiệm vụ nội dung 3.2 yêu cầu HS hoạt động cá nhân 2 phút.</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát GV hướng dẫn giải VD2 - HS chứng minh được $\triangle ABC$ vuông tại C và $\triangle ADC$ vuông tại A, diện tích của hình bình hành $ABCD$ bằng tổng diện tích $\triangle ABC$ và $\triangle ADC$</p> <p>* Báo cáo, thảo luận - Cá nhân HS trình bày lời giải.</p> <p>* Kết luận, nhận định - GV chốt lại lời giải và gợi ý cách làm khác tính diện tích hình bình hành $ABCD$ - GV chốt lại công thức tính diện tích của hình bình hành để giải quyết các bài toán liên quan</p>	<p>2. Ví dụ 2. Giải (sgk/trang 62)</p>
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập - Giao nhiệm vụ nội dung 3.3 yêu cầu hoạt động nhóm 3 phút. + Nhóm 1 thực hiện bài 3.19a + Nhóm 2 thực hiện bài 3.19b + Nhóm 3 thực hiện bài 3.19c</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ - HS chứng minh tứ giác là hình bình hành sử dụng các dấu hiệu nhận biết hình bình hành</p> <p>* Báo cáo, thảo luận - GV quan sát và hướng dẫn, gợi ý HS thực hiện bài tập nếu HS còn khó khăn. - Đại diện từng nhóm trình bày</p> <p>* Kết luận, nhận định</p>	<p>3. Bài tập 3.19 (SGK/63)</p>

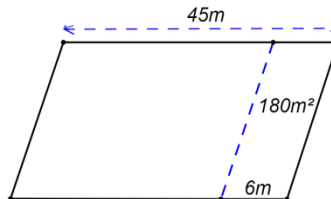
Hoạt động của GV – HS	Tiến trình nội dung
- GV chính xác lại lời giải * GV giao nhiệm vụ học tập - Giao nhiệm vụ nội dung 3.4 yêu cầu hoạt động nhóm 4-6 trong 3 phút. * HS thực hiện nhiệm vụ - HS chứng minh tứ giác là hình bình hành sử dụng các dấu hiệu nhận biết hình bình hành * Báo cáo, thảo luận - GV quan sát và hướng dẫn, gợi ý HS thực hiện bài tập nếu HS còn khó khăn. - Đại diện từng nhóm trình bày * Kết luận, nhận định - GV chính xác lại lời giải	4. Bài 3.21 (SGK/63)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (6 phút)

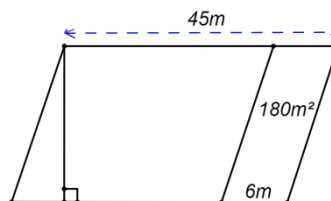
a) **Mục tiêu:** Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình bình hành giải quyết các tình huống thực tế.

b) **Nội dung:** Giải bài toán thực tế sau:

Bài toán: Một mảnh vườn hình bình hành có độ dài đáy bằng $45m$, người ta thu hẹp mảnh vườn để làm đường bằng cách giảm độ dài hai đáy của mảnh đất đi $6m$ thì được mảnh đất mới có diện tích nhỏ hơn diện tích mảnh đất ban đầu là $180m^2$. Tính diện tích của mảnh đất hình bình hành ban đầu.



c) **Sản phẩm:**



Chiều cao của mảnh vườn là: $180 : 6 = 30(m)$

Diện tích của mảnh vườn hình bình hành ban đầu là: $45.30 = 1350(m^2)$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ như mục nội dung yêu cầu HS hoạt động cá nhân 2 phút. <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động cá nhân thực hiện. <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV huy động tinh thần xung phong của HS; gọi 1 HS phát biểu tại chỗ. - GV tổ chức cho HS thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> + Để tính được diện tích hình bình hành ban đầu ta phải làm như thế nào? + Nêu công thức tính diện tích hình bình hành? <p>* Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt lại lời giải và HS cần nắm chắc kiến thức về khái niệm hình bình hành và tính chất; dấu hiệu nhận biết hình bình hành; công thức tính diện tích hình bình hành. 	<p>Bài toán vận dụng</p>

►► Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)

- Học và nắm chắc các kiến thức về hình bình hành.
- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học
- Lấy ví dụ thực tế về hình bình hành.
- Làm các bài tập còn lại trong SGK: phần còn lại 3.20, 3.21, 3.22, 3.23, 3.24 trang 63.
- Chuẩn bị cho tiết sau Luyện tập (tiết 2)

Tiết 2**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (10 phút)****a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức đã học của Bài 12 để giải các bài toán hình học; qua đó khắc sâu các kiến thức về hình bình hành.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức đã học chơi trò chơi “Đi tìm người chiến thắng”

Luật chơi: Học sinh nghe câu hỏi, lựa chọn và có đáp án nhanh nhất giơ tay xin trả lời.

Câu 1. Hãy chọn câu **sai**:

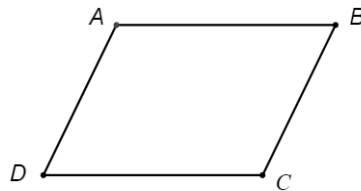
- A. Tứ giác có hai cặp cạnh đối song song là hình bình hành.
- B. Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình bình hành.
- C. Tứ giác có hai cặp cạnh đối bằng nhau là hình bình hành.
- D. Tứ giác có hai cặp góc đối bằng nhau là hình bình hành.

Câu 2. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Tứ giác có hai đường chéo... thì tứ giác, đó là hình bình hành”.

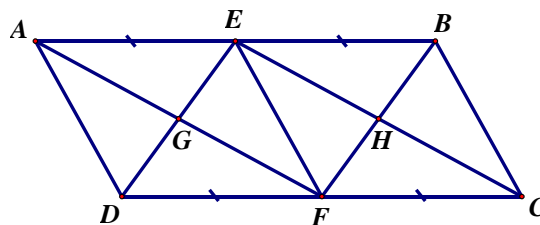
- A. bằng nhau
- B. cắt nhau
- C. cắt nhau tại trung điểm mỗi đường
- D. song song

Câu 3. Hãy chọn câu đúng. Tứ giác $ABCD$ là hình bình hành nếu:

- A. $A = C$.
- B. $B = D$.
- C. $AB // CD; BC = AD$.
- D. $A = C; B = D$.



Câu 4. Hãy chọn câu đúng. Cho hình bình hành $ABCD$ có các điều kiện như hình vẽ, trong hình có

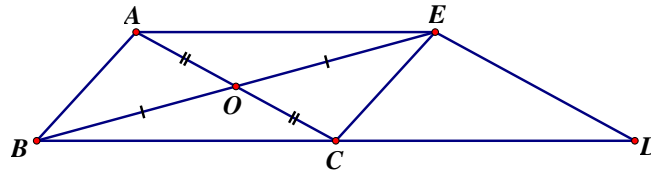


- A. 6 hình bình hành.
- B. 5 hình bình hành.
- C. 4 hình bình hành.
- D. 3 hình bình hành.

Câu 5. Cho hình bình hành $ABCD$ có $A = 3B$. Số đo các góc của hình hành là

- A. $A = C = 90^\circ; B = D = 30^\circ$
- B. $A = D = 135^\circ; B = C = 45^\circ$
- C. $A = C = 45^\circ; B = D = 135^\circ$
- D. $A = C = 135^\circ; B = D = 45^\circ$

Câu 6. Hãy chọn câu trả lời **sai**. Cho hình vẽ, ta có:



- A. $ABCE$ là hình bình hành.
- B. $AB = CE$.
- C. $ABDE$ là hình thang cân.
- D. $BD // AE$.

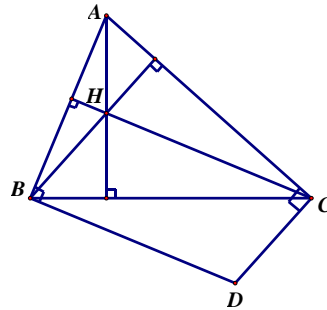
Câu 7. Tỉ số độ dài hai cạnh của hình bình hành là $3:5$. Còn chu vi của nó bằng 48 cm. Độ dài hai cạnh kề của hình bình hành là:

- A. 12 cm và 20 cm.
- B. 6 cm và 10 cm.
- C. 3 cm và 5 cm.
- D. 9 cm và 15 cm.

Câu 8. Hai góc kề của một hình mành hành không thể có số đo là:

- A. $60^\circ; 120^\circ$
- B. $70^\circ; 110^\circ$
- C. $90^\circ; 90^\circ$
- D. $50^\circ; 40^\circ$

Câu 9. Cho tam giác ABC và H là trực tâm. Các đường vuông góc với AB tại B , vuông góc với AC tại C cắt nhau ở D . Tứ giác $BDCH$ là hình gì?



- A. Hình chữ nhật.
- B. Hình bình hành.
- C. Hình thang cân.
- D. Hình thang vuông.

Câu 10. Cho tam giác ABC và H là trực tâm. Các đường thẳng vuông góc với AB tại B vuông góc với AC tại C cắt nhau ở D . Tính số đo góc BDC , biết $BAC = 50^\circ$.

- A. 50° .
- B. 100° .
- C. 130° .
- D. 150° .

c) Sản phẩm:

- Câu 1. B Câu 2. C Câu 3. D Câu 4. A Câu 5. D
- Câu 6. C Câu 7. D Câu 8. D Câu 9. B Câu 10. C.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ như phần nội dung <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động cá nhân <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét. <p>* Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả. 	

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (25 phút)

a) Mục tiêu:

- Củng cố dấu hiệu nhận biết hình bình hành.
- Vận dụng tính chất hình bình hành để chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau, các đường thẳng song song.

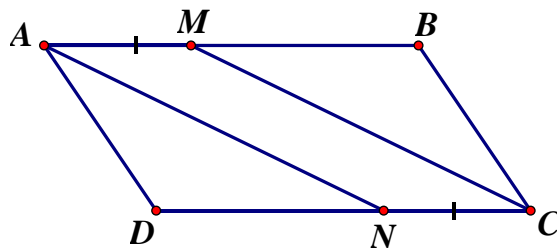
b) Nội dung:

2.1. Bài 3.20 (SGK/63)

2.2. Bổ sung bài 3.20:

Gọi I là trung điểm của BD . Chứng minh ba điểm M, I, N thẳng hàng.

2.3 Bài 3.22 (SGK/63)



c) Sản phẩm:

2.1 Bài 3.20 (SGK/63)

+ Tứ giác $ABCD$ là hình bình hành nên $AB \parallel CD$

mà $M \in AB, N \in CD$ suy ra $AM \parallel CN$

+ Xét tứ giác $AMCN$ có:

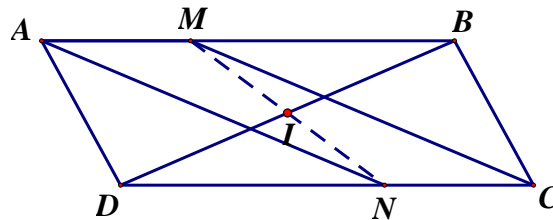
$$AM \parallel CN \text{ (cmt)}$$

$$AM = CN \text{ (gt)}$$

Suy ra tứ giác $AMCN$ là hình bình hành

Do đó $AN = CM; \angle AMC = \angle ANC$.

2.2. Phần bổ sung



+) Có tứ giác $ABCD$ là hình bình hành nên hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Mà I là trung điểm của BD

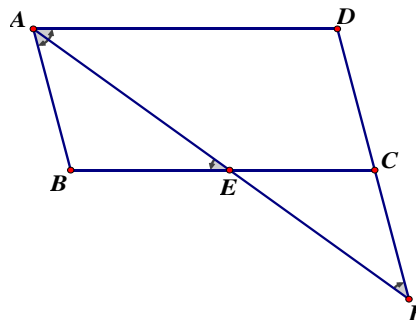
Suy ra I cũng là trung điểm của AC .

+) Lại có tứ giác $AMCN$ là hình bình hành nên hai đường chéo AC và MN cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Mà I là trung điểm của AC

Suy ra I là trung điểm của MN . Hay ba điểm M, I, N thẳng hàng.

2.3. Bài 3.22 (SGK/63)



a) Gọi giao điểm của tia phân giác A với BC, DC lần lượt là E và F .

Ta có tứ giác $ABCD$ là hình bình hành nên $AD \parallel BC; AB \parallel DC; AD = BC; AB = DC$

Suy ra $DAE = AEB; BAF = DFA$ (cặp góc so le trong)

Mà $BAE = FAD$ (AF là tia phân giác của A)

Do đó $BAE = BEA; DAF = DFA$

Hay tam giác ABE cân tại B , tam giác ADF cân tại D .

$$BE = BA = 3(cm); DF = DA = 5(cm)$$

$$BE < BC; DF > DC$$

Vậy tia phân giác góc A cắt cạnh BC không cắt cạnh DC .

$$b) EC = BC - BE = 5 - 3 = 2(cm)$$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS vẽ hình xác định giả thiết và kết luận bài toán. - Gọi 1 HS nêu hướng giải quyết bài tập 3.20 <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc cá nhân bài tập 3.20 trong thời gian 3 phút <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS trình bày lời giải trên bảng <p>* Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV đánh giá kết quả của HS, chính xác hóa kết quả. Chốt lại kiến thức: Một cách chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau đó là sử dụng tính chất hình bình hành. 	<p>Bài 3.20 (SGK/63)</p>
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm I là trung điểm của BD, có liên tưởng đến tính chất nào của hình bình hành 	<p>Phân bổ sung:</p>

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
<p>không?</p> <p>- Phải chăng I là trung điểm của MN? Qua đó có giúp chúng ta giải quyết được yêu cầu bài toán không?</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Trao đổi cặp đôi trả lời các yêu cầu của giáo viên trong thời gian 5 phút</p> <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <p>- 1 HS trình bày lời giải trên bảng</p> <p>* Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, mở rộng bài toán: có thể thay đổi yêu cầu ta toán:</p> <p>+ Chứng minh trung điểm của ba đoạn thẳng AC, BD, MN trùng nhau hay nói cách khác ba đường thẳng AC, BD, MN đồng quy.</p>	
<p>* GV giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- Khi nào tia phân giác A cắt đoạn thẳng BC ?</p> <p>- Nếu gọi giao điểm của tia phân giác A với BC, DC lần lượt là E và F. Hãy cho biết số đo của các đoạn thẳng BE, DF, EC.</p> <p>* HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Thực hiện theo nhóm nhỏ 4 người trong thời gian 7 phút</p> <p>* Báo cáo, thảo luận</p> <p>- 1 HS trình bày lời giải trên bảng</p> <p>* Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, chuẩn kiến thức</p> <p>- GV chốt: Các cách CM một tứ giác là hình bình hành và sử dụng tính chất hình bình</p>	<p>Bài 3.22 (SGK/63)</p>

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
hành để chứng minh hai đoạn thẳng bằng nhau, hai góc bằng nhau	

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (8 phút)

a) Mục tiêu:

- Biết vận dụng kiến thức hình bình hành trong thực tế đời sống

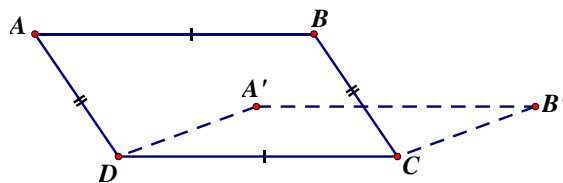
b) Nội dung:

Hãy chuyển đoạn văn sau thành bài toán hình học rồi chứng minh

*Có bốn thanh gỗ thẳng
 Đôi một dài bằng nhau
 Khớp vít ở hai đầu
 Nên khung luôn di động.
 Mặc dù thay đổi dạng
 Có lúc thấp, lúc cao
 Bạn có biết vì sao
 Hình bình hành vẫn giữ.*

c) Sản phẩm:

Bài toán: Cho tứ giác $ABCD$ có: $AB = CD; AD = CB$. Chứng minh tứ giác $ABCD$ là hình bình hành.



Chứng minh:

Tứ giác $ABCD$ có: $AB = CD; AD = CB$

Nên tứ giác $ABCD$ là hình bình hành (dấu hiệu nhận biết)

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
** GV giao nhiệm vụ học tập	

Hoạt động của GV - HS	Tiến trình nội dung
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc nội dung, - Bài cho biết gì? Yêu cầu gì? - Hãy chuyển thành bài toán hình học * HS thực hiện nhiệm vụ - Hoạt động cá nhân trong thời gian 2 phút * Báo cáo, thảo luận - Đứng tại chỗ báo cáo * Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chốt đáp án 	

►► **Hướng dẫn về nhà (2 phút)**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.
 - Học thuộc kiến thức cũ
 - Lấy ví dụ thực tế về hình bình hành.
 - Chuẩn bị giờ sau: các em hệ thống lại các kiến thức đã học về hình chữ nhật.
 - Làm bài tập 3.23, 3.24 (SGK/63)
- Gợi ý: Bài 3.23: Tương tự như phần bổ sung bài 3.20
- Bài 3.24: + Bài cho biết gì? Yêu cầu gì?
- + Nếu vẽ được hình bình hành $ABCD$, thì nhận xét trung điểm của hai đoạn thẳng AC, BD . Qua đó có xác định được điểm D không?
- + Với cách làm trên có thể vẽ được bao nhiêu hình bình hành thỏa mãn điều kiện đề bài cho.